

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

*Các Báo cáo Tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và
Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007*

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	1
CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân Đối Kế Toán	2 - 3
Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh	4
Báo Cáo Lợi Nhuận Để Lại	5
Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ	6 - 7
Thuyết Minh Các Báo Cáo Tài Chính	8 - 44

Số tham chiếu: 21222/11107

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
các báo cáo tài chính của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình (sau đây được gọi tắt là “Ngân hàng”) lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lợi nhuận để lại, báo cáo lưu chuyển tiền tệ có liên quan và các thuyết minh đính kèm (sau đây được gọi tắt là “các báo cáo tài chính”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày như được trình bày từ trang 2 đến trang 44. Việc lập các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám Đốc của Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám Đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Võ Tấn Hoàng Văn
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0264/KTV

Nguyễn Xuân Đại
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0452/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2008

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Chỉ tiêu	Thuyết minh	ĐVT: triệu đồng	
		Năm 2007	Năm 2006
TÀI SẢN			
Tiền mặt tại quỹ	3	149.751	33.195
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	4	365.006	31.323
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng (“TCTD”) khác	5	5.643.866	1.536.087
Chứng khoán kinh doanh	6	35.519	-
Chứng khoán kinh doanh		48.455	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(12.936)	-
Cho vay khách hàng		6.800.285	1.116.500
Cho vay khách hàng	7	6.858.134	1.130.930
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	8	(57.849)	(14.430)
Chứng khoán đầu tư	9	3.659.331	343.436
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		1.098.734	104.825
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		2.560.597	238.611
Tài sản cố định	10	79.873	6.664
Tài sản cố định hữu hình	10.1	61.984	6.664
<i>Nguyên giá tài sản cố định</i>		69.225	7.627
<i>Hao mòn tài sản cố định</i>		(7.241)	(963)
Tài sản cố định vô hình	10.2	17.889	-
<i>Nguyên giá tài sản cố định</i>		19.172	-
<i>Hao mòn tài sản cố định</i>		(1.283)	-
Tài sản có khác	11	440.486	46.693
Các khoản phải thu	11.1	135.478	24.131
Các khoản lãi và phí phải thu	11.2	286.985	20.318
Tài sản có khác	11.3	18.023	2.244
TỔNG TÀI SẢN		17.174.117	3.113.898

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 36 là một phần của các báo cáo tài chính này

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2007	Năm 2006
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	12	217.172	22.966
Tiền gửi và vay các TCTD khác	13	7.268.987	297.686
Tiền gửi của các TCTD khác		6.773.732	297.686
Vay các TCTD khác		495.255	-
Tiền gửi của khách hàng	14	6.776.279	1.551.159
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ TC khác		366	-
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	15	11.164	16.191
Phát hành giấy tờ có giá	16	204.949	-
Các khoản nợ khác		216.000	35.622
Các khoản lãi và phí phải trả	17.1	123.127	9.498
Các khoản phải trả và công nợ khác	17.2	91.782	26.124
Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng	8	1.091	-
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		14.694.917	1.923.624
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn và các quỹ dự trữ			
Vốn điều lệ		2.300.000	1.131.951
Thặng dư vốn cổ phần		115.282	-
Cổ phiếu quỹ		(115.281)	-
Quỹ dự trữ		39.187	16.527
Lợi nhuận chưa phân phối		140.012	41.796
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	19.1	2.479.200	1.190.274
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		17.174.117	3.113.898
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn	31	526.026	508.996

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:

Ông Bùi Quốc Việt
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Công Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

Ông Lưu Đức Khánh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2008

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 36 là một phần của các báo cáo tài chính này

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2007	Năm 2006
THU NHẬP HOẠT ĐỘNG			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	20	1.102.140	150.271
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	21	(777.777)	(74.669)
THU NHẬP LÃI THUẦN		324.363	75.602
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		15.274	9.758
Chi phí hoạt động dịch vụ		(9.687)	(4.644)
Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ	22	5.587	5.114
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	23	2.515	245
Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	24	(12.936)	-
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	25	102.043	212
(Lỗ)/Lãi thuần từ hoạt động khác		(27)	39.474
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		421.545	120.647
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
Chi phí nhân viên		(49.909)	(10.114)
Chi phí khấu hao		(7.667)	(663)
Chi phí hoạt động khác	26	(88.693)	(15.637)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG		(146.269)	(26.414)
LỢI NHUẬN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		275.276	94.233
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	8	(44.510)	(13.473)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		230.766	80.760
Chi phí thuế TNDN hiện hành	18.1	(69.017)	(22.613)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	18.2	-	-
Chi phí thuế TNDN		(69.017)	(22.613)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		161.749	58.147
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng) (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu)	27	1.219	971

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:

Ông Bùi Quốc Việt
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Công Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

Ông Lưu Đức Khánh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2008

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 36 là một phần của các báo cáo tài chính này

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

BÁO CÁO LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

DVT: triệu đồng

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm 2007</i>	<i>Năm 2006</i>
LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI ĐẦU NĂM	19.1	41.796	8.598
Lợi nhuận thuần trong năm		<u>161.749</u>	<u>58.147</u>
LỢI NHUẬN TRƯỚC KHI PHÂN PHỐI		203.545	66.745
<i>Trừ:</i>			
Trích lập các quỹ dự trữ theo quy định của năm trước		-	(1.995)
Tạm trích các quỹ trong năm		(23.453)	(16.775)
Chi trả cổ tức		(19.488)	(6.068)
Kết chuyển tăng vốn điều lệ		(20.592)	-
Các khoản khác		<u>-</u>	<u>(111)</u>
LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI CUỐI NĂM	19.1	<u>140.012</u>	<u>41.796</u>

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:

Ông Bùi Quốc Việt
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Công Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

Ông Lưu Đức Khánh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2008

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 36 là một phần của các báo cáo tài chính này

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Chỉ tiêu	Thuyết minh	ĐVT: triệu đồng	
		Năm 2007	Năm 2006
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương đương		835.473	133.142
Chi phí lãi và các chi phí tương đương		(664.148)	(68.408)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		5.587	5.114
Chênh lệch số tiền thực thu/ thực chi từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và ngoại tệ		165.524	457
Thu nhập khác		(27)	39.474
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý công vụ		(137.374)	(25.500)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	18.1	(36.518)	(5.906)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ phải trả		168.517	78.373
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
Tăng các khoản tiền gửi tại các TCTD khác		(2.997.660)	(714.575)
Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán		(2.775.316)	(267.413)
Tăng các khoản cho vay khách hàng		(5.727.204)	(724.530)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn)		-	(3)
Tăng khác về tài sản hoạt động		(127.126)	(23.453)
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
Tăng các khoản nợ Chính phủ và NHNN		194.206	(12.034)
Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD		6.971.301	56.462
Tăng tiền gửi của khách hàng		5.225.120	1.341.842
Giảm vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		(5.027)	16.191
Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ TC khác		366	-
Tăng công nợ khác		236.906	6.284
Chi từ các quỹ	19.1	(793)	(2.324)
Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng trong) hoạt động kinh doanh		1.163.290	(245.180)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định	10	(80.902)	(5.500)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng trong hoạt động đầu tư		(80.902)	(5.500)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tăng vốn điều lệ		1.262.739	952.583
Chi mua cổ phiếu quỹ		(115.281)	-
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	19.1	(19.488)	(6.068)
Các khoản khác		-	(111)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.127.970	946.404
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		2.210.358	695.724
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu kỳ	28	857.980	162.256
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ	28	3.068.338	857.980

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 36 là một phần của các báo cáo tài chính này

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
		<i>Năm 2007</i>	<i>Năm 2006</i>
Vốn cổ phần tăng từ cổ tức được chia	19.1	20.592	-
Vốn cổ phần tăng từ thặng dư vốn cổ phần		-	13.860
Vốn cổ phần tăng từ quỹ bổ sung vốn điều lệ		-	508

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:

Ông Bùi Quốc Việt
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Công Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

Ông Lưu Đức Khánh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2008

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 36 là một phần của các báo cáo tài chính này

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

1. GIỚI THIỆU VỀ NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình (sau đây được gọi tắt là “Ngân hàng”) là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký hoạt động tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Thành lập và Hoạt động

Ngân hàng đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cấp Giấy phép Hoạt động Ngân hàng số 0031/NH-GP ngày 15 tháng 4 năm 1993, có hiệu lực từ ngày 18 tháng 9 năm 1997 trong thời hạn 20 năm.

Theo Quyết định Chấp thuận số 1333 ngày 07 tháng 09 năm 2005 của NHNN, Ngân hàng đã được phép chuyển đổi từ ngân hàng cổ phần nông thôn thành ngân hàng thương mại cổ phần đô thị. Do đó, Ngân hàng được phép tiến hành đầy đủ các hoạt động ngân hàng, bao gồm hoạt động huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của các tổ chức và cá nhân khác nhau, hoạt động cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn các tổ chức và cá nhân khác nhau dựa vào tính chất và năng lực nguồn vốn của Ngân hàng, tiến hành các giao dịch ngoại hối, các dịch vụ hỗ trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá; cung cấp các dịch vụ giao dịch giữa các khách hàng với nhau và các hoạt động ngân hàng khác khi Ngân hàng Nhà nước cho phép.

Vốn Điều lệ

Kể từ ngày thành lập, vốn điều lệ của Ngân hàng đã được NHNN chấp thuận tăng qua các thời kỳ như sau:

<i>Vốn điều lệ từng kỳ (triệu đồng)</i>	<i>Được NHNN chấp thuận theo</i>	<i>Ngày ban hành</i>
1.200	Quyết định số 102/QĐ-NHNN5	Ngày 21 tháng 3 năm 1998
5.000	Quyết định số 986/NHTP.2001	Ngày 12 tháng 10 năm 2001
26.804	Quyết định số 494/NHTP.2003	Ngày 5 tháng 5 năm 2003
35.104	Quyết định số 1338/NHNN-HCM02	Ngày 26 tháng 12 năm 2003
71.544	Quyết định số 967/NHNN-HCM02	Ngày 22 tháng 6 năm 2004
165.000	Quyết định số 1513/NHNN-HCM02	Ngày 13 tháng 7 năm 2005
500.000	Quyết định số 677/NHNN-HCM02	Ngày 02 tháng 6 năm 2006
990.000	Quyết định số 1254/NHNN-HCM02	Ngày 15 tháng 9 năm 2006
1.131.951	Quyết định số 1517/NHNN-HCM02	Ngày 6 tháng 11 năm 2006
2.300.000	Quyết định số 863/NHNN-HCM02	Ngày 13 tháng 6 năm 2007

Hội đồng Quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm tài chính 2007 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày được bổ nhiệm</i>
Ông Vũ Văn Tiên	Chủ tịch	Ngày 22 tháng 3 năm 2005
Ông Nguyễn Hùng Mạnh	Phó Chủ tịch	Ngày 3 tháng 8 năm 2005
Ông Đào Văn Hưng	Phó Chủ tịch	Ngày 3 tháng 8 năm 2005
Ông Dương Quang Thành	Thành viên	Ngày 3 tháng 8 năm 2005

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

1. GIỚI THIỆU VỀ NGÂN HÀNG (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính 2007 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày được bổ nhiệm / miễn nhiệm</i>
Ông Lưu Đức Khánh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2007
Ông Nguyễn Hùng Mạnh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2007
Ông Nguyễn Công Cảnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2002
Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 Tháng 3 năm 2007
Bà Trần Thanh Hoa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 2 năm 2007
Ông Phạm Quốc Thanh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2007
Ông Bùi Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2007
Ông Lý Vinh Quang	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2007
Ông Nguyễn Hoài Anh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2007

Trụ sở và Hệ thống Chi nhánh

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại 78-80 Cách Mạng Tháng Tám, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Vào thời điểm 31 tháng 12 năm 2007, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, một (1) Sở Giao dịch, năm (5) Chi nhánh và bốn mươi tám (48) Phòng Giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 1.123 người (năm 2006: 251 người).

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính của Ngân hàng được trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam (“triệu đồng” hay “triệu VNĐ”), được lập theo Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 04 năm 2007, Quyết định số 29/2006/QĐ-NHNN ngày 10 tháng 07 năm 2006 và Quyết định số 479/QĐ-NHNN2 ngày 29 tháng 04 năm 2004 do Thống Đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các qui định có liên quan bao gồm:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.1 Cơ sở lập các báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngoại trừ việc các báo cáo tài chính này chưa trình bày đầy đủ các thông tin về chính sách quản lý và thông tin về tình hình rủi ro lãi suất và rủi ro thanh khoản của Ngân hàng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2007. Tuy nhiên, Điều 29 của Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN cho phép các tổ chức tín dụng có thể trình bày các thông tin về tình hình rủi ro lãi suất và rủi ro thanh khoản từ năm tài chính 2008.

Các báo cáo tài chính đính kèm được lập trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận tại Việt Nam. Các báo cáo tài chính cũng như việc sử dụng các báo cáo này không dành cho những ai không thông hiểu các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam và hơn nữa, những báo cáo này không được lập nhằm thể hiện tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và thể chế bên ngoài Việt Nam.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.3 Các khoản cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

2.4 Dự phòng rủi ro tín dụng

Theo Luật các Tổ chức Tín dụng có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 1998, Luật Sửa đổi và Bổ sung một số Điều trong Luật Các Tổ chức Tín dụng có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 2004, Quyết định 127/2005/QĐ-NHNN ngày 3 tháng 2 năm 2005, Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 04 năm 2007 của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng. Theo đó, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: *Nợ đủ tiêu chuẩn*, *Nợ cần chú ý*, *Nợ dưới tiêu chuẩn*, *Nợ nghi ngờ* và *Nợ có khả năng mất vốn* dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của khoản cho vay.

Rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay khách hàng được tính bằng giá trị còn lại của khoản cho vay trừ giá trị của tài sản đảm bảo đã được chiết khấu theo các tỷ lệ theo quy định của Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN. Dự phòng cụ thể được trích lập trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

<i>Nhóm</i>	<i>Loại</i>	<i>Tỷ lệ dự phòng cụ thể</i>
1	<i>Nợ đủ tiêu chuẩn</i>	0%
2	<i>Nợ cần chú ý</i>	5%
3	<i>Nợ dưới tiêu chuẩn</i>	20%
4	<i>Nợ nghi ngờ</i>	50%
5	<i>Nợ có khả năng mất vốn</i>	100%

Các khoản nợ được phân loại là *Nợ dưới tiêu chuẩn*, *Nợ nghi ngờ* và *Nợ có khả năng mất vốn* được coi là nợ xấu.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.4 Dự phòng rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa xác định được trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp các tổ chức tín dụng gặp khó khăn về tài chính khi chất lượng các khoản nợ suy giảm. Theo đó, trong vòng 5 năm kể từ tháng 5 năm 2005, Ngân hàng phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ từ nhóm 1 đến nhóm 4, giá trị của các khoản bảo lãnh, các cam kết cho vay không huỷ ngang và các cam kết chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

Ngân hàng đã trích và duy trì mức dự phòng chung bằng 0,43% của tổng số dư nợ cho vay từ nhóm 1 đến nhóm 4, giá trị của các khoản bảo lãnh, các cam kết cho vay không huỷ ngang và các cam kết chấp nhận thanh toán cho khách hàng (tương đương với 57% của tổng số cần phải trích là 0,75%) tại ngày 30 tháng 11 năm 2007.

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả kinh doanh và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Ngân hàng thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu khách hàng vay là pháp nhân giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

2.5 Đầu tư vào chứng khoán

2.5.1 Các chứng khoán kinh doanh

Các chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán giữ cho mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch. Các chứng khoán sau đó được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá trị thị trường và giá gốc. Ngoại trừ trường hợp không thể xác định giá trị thị trường một cách chắc chắn thì giá trị của chúng được tính dựa trên nguyên giá sau khi trừ đi tổn thất ước tính nếu có. Bất kỳ một khoản giảm giá hoặc tổn thất ước tính nào của những loại chứng khoán này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5.2 Các chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán được giữ cho đến khi đến hạn bao gồm các chứng khoán có giá trị được xác định và có ngày đáo hạn cụ thể và Ngân hàng dự định nắm giữ các chứng khoán này cho tới ngày đáo hạn. Các chứng khoán này được ghi nhận ban đầu theo mệnh giá. Chênh lệch giữa giá mua, bao gồm cả chi phí bỏ ra để có được chứng khoán và mệnh giá được hạch toán vào tài khoản chiết khấu/phụ trội trong khoản mục tài sản/công nợ khác và được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong suốt thời gian còn lại của chứng khoán. Lãi dự thu được tính theo phương pháp đường thẳng. Chứng khoán được giữ đến khi đáo hạn sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5.3 Các chứng khoán sẵn sàng để bán

Các chứng khoán sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán ngoài các loại nêu trên, ban đầu được xác định theo mệnh giá. Chênh lệch giữa giá mua, bao gồm cả chi phí bỏ ra để có được chứng khoán và mệnh giá được hạch toán vào tài khoản chiết khấu/phụ trội trong khoản mục tài sản/công nợ khác và được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong suốt thời gian còn lại của chứng khoán. Chứng khoán sẵn sàng để bán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường. Ngoại trừ trường hợp không thể xác định giá trị thị trường một cách chắc chắn thì giá trị của chúng sẽ được tính dựa trên nguyên giá sau khi trừ đi tổn thất ước tính (nếu có). Dự

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày
phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.6 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Các tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không phải ghi giảm tài sản trên bảng cân đối kế toán. Khoản tiền nhận được được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán là “các cam kết mua lại” (nếu có) phản ánh tính chất là một khoản vay đối với Ngân hàng. Chênh lệch giữa giá bán và giá mua lại được ghi nhận là chi phí lãi và được dự chi trong thời hạn của cam kết theo phương pháp lãi suất đường thẳng.

Ngược lại, những chứng khoán được mua theo hợp đồng sẽ được bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không phải ghi tăng tài sản trên bảng cân đối kế toán. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận là “cam kết bán lại” (nếu có). Chênh lệch giữa giá mua và giá bán lại được ghi nhận là thu nhập lãi và được dự thu trong thời hạn của cam kết theo phương pháp lãi suất đường thẳng.

2.7 Tài sản cố định

Giá trị tài sản cố định được thể hiện bằng nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định là toàn bộ các chi phí trực tiếp đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí liên quan đến bổ sung, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào nguyên giá tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được tất toán và bất kỳ các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.8 Khấu hao

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Nhà cửa	25 – 30 năm
Máy móc văn phòng	5 năm
Phương tiện vận tải	5 năm
Thiết bị văn phòng	5 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	theo thời hạn thuê
Phần mềm kế toán	3 năm

2.9 Ghi nhận thu nhập và chi phí

Thu nhập lãi và chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi phải thu phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ đối với các khoản nợ xác định là có khả năng thu hồi cả gốc, lãi đúng thời hạn và không phải trích dự phòng rủi ro cụ thể theo qui định. Thu nhập lãi được ngừng tính khi khoản nợ bị giảm giá trị và bị trích lập dự phòng rủi ro cụ thể. Lãi dự thu của các khoản vay quá hạn và của nợ xấu được hạch toán và theo dõi ở ngoại bảng cho đến khi thực thu.

Phí và hoa hồng cũng được ghi nhận trên cơ sở dự thu, dự chi. Cổ tức nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hội đồng quản trị của đơn vị được đầu tư thông qua kế hoạch phân chia cổ tức.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán (xem chi tiết tỷ giá các loại ngoại tệ áp dụng vào ngày 31 tháng 12 tại Thuyết minh số 36). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang Việt Nam đồng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.11 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập Ngân hàng hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay công nợ được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.11 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Ngân hàng chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Ngân hàng có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập Ngân hàng được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Ngân hàng dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

2.12 Tiền mặt và các khoản tương đương tiền thuần

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, Tín phiếu Chính phủ, và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện tái chiết khấu với Ngân hàng Nhà nước, chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua; tiền gửi các tổ chức tín dụng khác không kỳ hạn và đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi.

2.13 Bù trừ

Tài sản và công nợ tài chính được bù trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán chỉ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để thực hiện việc bù trừ và Ngân hàng dự định thanh toán tài sản và công nợ theo giá trị thuần, hoặc việc tất toán tài sản và công nợ xảy ra đồng thời.

2.14 Sử dụng các ước tính

Việc trình bày các báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể có thay đổi dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

2.15 Lợi ích của nhân viên

Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội, Ngân hàng sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 15% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Ngân hàng không phải có một nghĩa vụ nào khác.

Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc

Trợ cấp thôi việc tự nguyện: theo Điều 42 Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 02 tháng 4 năm 2002, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc.

Trợ cấp mất việc: theo Điều 17 của Bộ Luật Lao động, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho nhân viên bị mất việc do thay đổi cơ cấu tổ chức hoặc công nghệ. Trong trường hợp này, Ngân

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp mất việc bằng một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng tổng trợ cấp không thấp hơn hai tháng lương.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.15 Lợi ích của nhân viên (tiếp theo)

Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc (tiếp theo)

Mặc dù nghĩa vụ quy định trong điều 17 và 42 là bắt buộc, việc thực hiện những nghĩa vụ này còn cần tuân theo hướng dẫn chi tiết của Bộ Tài chính trong các thông tư hướng dẫn thực hiện. Theo Thông tư số 64/1999/TT-BTC ngày 07 tháng 6 năm 1999 và Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính thay thế Thông tư 64, các ngân hàng phải tính toán trợ cấp mất việc làm cho nhân viên từ 1.00% đến 3.00%/năm trên lương cơ bản của nhân viên. Ngoài ra, số dư của quỹ trợ cấp thôi việc đã được trích lập trước đây bằng 10.00% của lợi nhuận sau thuế sau khi trừ đi phần trích lập quỹ bổ sung vốn điều lệ theo Thông tư 64 nên được chuyển sang quỹ trợ cấp mất việc cho nhân viên theo Thông tư 82.

Trong năm 2007, Ngân hàng đã thực hiện trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc tự nguyện tuân thủ theo Điều 42 Bộ Luật Lao động.

2.16 Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Chi phí thuê phát sinh từ hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3. TIỀN MẶT TẠI QUỸ

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>DVT: Triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2007</i>	<i>Năm 2006</i>
Tiền mặt bằng VNĐ	131.584	27.654
Tiền mặt bằng ngoại tệ	18.167	5.535
Vàng tiền tệ	-	6
	<u>149.751</u>	<u>33.195</u>

4. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>DVT: Triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2007</i>	<i>Năm 2006</i>
Tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	365.006	31.323
Tiền gửi phong tỏa	-	-
	<u>365.006</u>	<u>31.323</u>

Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) bao gồm tiền gửi thanh toán và dự trữ bắt buộc tại NHNN. Kể từ năm 2007, chỉ các khoản tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng VNĐ và các khoản tiền gửi thanh toán bằng ngoại tệ được hưởng lãi suất tương ứng là 1,20%/năm và 1,00%/năm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

4. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM (tiếp theo)

Theo qui định của NHNN, Ngân hàng phải duy trì một khoản dự trữ nhất định tại NHNN dưới dạng dự trữ bắt buộc, được tính bằng 10,00% và 4,00% (2006: 5,00% và 2,00%) tương ứng đối với tiền gửi của khách hàng bằng VNĐ có kỳ hạn dưới 12 tháng và từ 12 tháng đến 24 tháng; và bằng 10,00% và 4,00% (năm 2006: 8,00% và 2,00%) tương ứng đối với tiền gửi của khách hàng bằng ngoại tệ cho kỳ hạn dưới 12 tháng và từ 12 tháng đến 24 tháng.

Trong năm, Ngân hàng thực hiện tuân thủ theo quy định của NHNN về dự trữ bắt buộc.

5. TIỀN GỬI TẠI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG (“TCTD”) KHÁC

Chỉ tiêu	ĐVT: Triệu đồng	
	Năm 2007	Năm 2006 (trình bày lại)
Tiền gửi không kỳ hạn (“KKH”) tại các TCTD khác	202.467	84.324
Tiền gửi có kỳ hạn (“CKH”) tại các TCTD khác	5.441.399	1.451.763
	<u>5.643.866</u>	<u>1.536.087</u>

5.1 Tiền gửi không kỳ hạn tại các TCTD khác

Chỉ tiêu	ĐVT: Triệu đồng	
	Năm 2007	Năm 2006
Tiền gửi KKH tại các TCTD trong nước bằng VNĐ	169.179	82.487
Tiền gửi KKH tại các TCTD trong nước bằng ngoại tệ	33.288	1.837
	<u>202.467</u>	<u>84.324</u>

5.2 Tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD khác

Chỉ tiêu	ĐVT: Triệu đồng	
	Năm 2007	Năm 2006 (trình bày lại)
<i>Tiền gửi CKH tại các TCTD có kỳ hạn dưới ba tháng</i>		
Tiền gửi CKH với các TCTD trong nước bằng VNĐ	1.685.000	691.000
Tiền gửi CKH với các TCTD trong nước bằng ngoại tệ	16.114	18.138
Bao gồm trong tiền và các khoản tương đương tiền (Thuyết minh số 28)	<u>1.701.114</u>	<u>709.138</u>
<i>Tiền gửi CKH tại các TCTD có kỳ hạn trên ba tháng</i>		
Tiền gửi CKH với các TCTD trong nước bằng VNĐ	3.700.000	742.625
Tiền gửi CKH với các TCTD trong nước bằng ngoại tệ	40.285	-
	<u>3.740.285</u>	<u>742.625</u>
	<u>5.441.399</u>	<u>1.451.763</u>

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

6. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

Đầu tư vào chứng khoán kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 bao gồm:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>ĐVT: Triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2007</i>	<i>Năm 2006</i>
Chứng khoán Vốn		
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	48.455	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	<u>(12.936)</u>	<u>-</u>
	<u>35.519</u>	<u>-</u>

Thuyết minh về tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh như sau:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>ĐVT: Triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2007</i>	<i>Năm 2006</i>
Chứng khoán Vốn:		
Đã niêm yết	48.455	-

7. CHO VAY KHÁCH HÀNG

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>ĐVT: Triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2007</i>	<i>Năm 2006</i>
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	6.590.099	799.826
Cho vay chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá	92.723	11.145
Cho vay bằng vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư	<u>175.312</u>	<u>319.959</u>
	<u>6.858.134</u>	<u>1.130.930</u>

Mức lãi suất cho vay vào ngày 31 tháng 12 như sau:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm 2007</i>	<i>Năm 2006</i>
	<i>lãi suất %/năm</i>	<i>lãi suất %/năm</i>
Cho vay bằng VNĐ	12,24% - 12,60%	12,00% - 13,80%
Cho vay bằng ngoại tệ	5,69% - 10,42%	6,60% - 7,90%

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

7. CHO VAY KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

7.1. Phân tích chất lượng cho vay

Chỉ tiêu	ĐVT: Triệu đồng	
	Năm 2007	Năm 2006
Nợ đủ tiêu chuẩn	6.696.412	1.072.718
Nợ cần chú ý	58.418	27.645
Nợ dưới tiêu chuẩn	19.888	9.796
Nợ nghi ngờ	30.079	20.621
Nợ có khả năng mất vốn	53.337	150
	<u>6.858.134</u>	<u>1.130.930</u>

7.2. Phân tích dư nợ theo thời gian

Chỉ tiêu	ĐVT: Triệu đồng	
	Năm 2007	Năm 2006
Nợ ngắn hạn	3.580.254	695.939
Nợ trung hạn	1.763.368	369.283
Nợ dài hạn	1.514.512	65.708
	<u>6.858.134</u>	<u>1.130.930</u>

7.3. Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

Phân tích dư nợ cho vay theo loại hình doanh nghiệp tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2007		Năm 2006	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Cho vay các TCKT				
Doanh nghiệp nhà nước	331.855	4,83	1.130	0,10
Doanh nghiệp khác	3.879.096	56,57	1.129.800	99,90
	4.210.951	61,40	1.130.930	100
Cho vay cá nhân	2.647.183	38,60		-
	<u>6.858.134</u>	<u>100</u>	<u>1.130.930</u>	<u>100</u>

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

7. CHO VAY KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

7.4. Phân tích dư nợ cho vay theo ngành

Chỉ tiêu	Năm 2007		Năm 2006	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Thương nghiệp, sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy, đồ dùng cá nhân và gia đình	2.959.186	43,15	613.769	54,27
Hoạt động phục vụ cá nhân và cộng đồng	2.376.643	34,64	-	-
Công nghiệp chế biến	827.686	12,07	86.145	7,62
Xây dựng	429.093	6,26	214.132	18,93
Hoạt động tài chính	197.430	2,88	-	-
Nông nghiệp và lâm nghiệp	46.349	0,68	7.880	0,70
Công nghiệp khai thác mỏ	21.747	0,32	-	-
Vận tải, kho bãi thông tin liên lạc	-	-	56.125	4,96
Khác	-	-	152.879	13,52
	<u>6.858.134</u>	<u>100</u>	<u>1.130.930</u>	<u>100</u>

8. DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng bao gồm:

Chỉ tiêu	ĐVT: triệu đồng	
	Năm 2007	Năm 2006
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng		
Dự phòng cụ thể	35.277	11.717
Dự phòng chung	<u>22.572</u>	<u>2.713</u>
	57.849	14.430
Dự phòng chung các cam kết ngoại bảng	<u>1.091</u>	<u>-</u>
	<u>58.940</u>	<u>14.430</u>

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng trong năm của năm hiện hành bao gồm các khoản sau:

Chỉ tiêu	ĐVT: Triệu đồng		
	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng cộng
Số dư dự phòng đầu kỳ	11.717	2.713	14.430
Số tiền đã trích trong năm	31.430	23.165	54.595
Số hoàn nhập dự phòng trong năm	<u>(7.870)</u>	<u>(2.215)</u>	<u>(10.085)</u>
Số dư dự phòng cuối kỳ	<u>35.277</u>	<u>23.663</u>	<u>58.940</u>

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

8. DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG (tiếp theo)

Ngân hàng thực hiện việc phân loại nợ theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và theo Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN và theo Chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng. Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, dự phòng rủi ro tín dụng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2007 được trích lập dựa trên kết quả phân loại tổng dư nợ và số dư bảo lãnh trên tài khoản ngoại bảng tại thời điểm 30 tháng 11 năm 2007.

Chi tiết phân loại nợ tại thời điểm 30 tháng 11 năm 2007 và dự phòng rủi ro tín dụng tương ứng theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN như sau:

ĐVT: Triệu đồng

<i>Phân loại</i>	<i>Dư nợ cho vay tại ngày 30 tháng 11 năm 2007</i>	<i>Dự phòng cụ thể</i>	<i>Dự phòng chung</i>	<i>Tổng số dự phòng</i>
Nợ đủ tiêu chuẩn	5.185.585	-	38.892	38.892
Nợ cần chú ý	70.444	1.400	528	1.928
Nợ dưới chuẩn	24.720	1.487	185	1.672
Nợ nghi ngờ	26.130	6.135	197	6.332
Nợ có khả năng mất vốn	59.066	26.255	-	26.255
	<u>5.365.945</u>	35.277	39.802	75.079
Cam kết ngoại bảng được tính dự phòng chung	<u>256.398</u>	-	1.923	1.923
		<u>35.277</u>	<u>41.725</u>	<u>77.002</u>

Tình hình số dư dự phòng rủi ro tín dụng tại thời điểm ngày 30 tháng 11 năm 2007 như sau:

ĐVT: triệu đồng

<i>Dự phòng rủi ro tín dụng</i>	<i>Dự phòng cụ thể</i>	<i>Dự phòng chung cho dư nợ tín dụng</i>	<i>Dự phòng chung cho các cam kết ngoại bảng</i>	<i>Tổng số dự phòng</i>
Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN	35.277	39.802	1.923	77.002
Số thực tế Ngân hàng đã hạch toán	<u>35.277</u>	<u>22.572</u>	<u>1.091</u>	<u>58.940</u>
Số dự phòng chưa hạch toán đủ	-	<u>17.230</u>	<u>832</u>	<u>18.062</u>

Trong 2007, Ngân hàng đã trích đủ dự phòng cụ thể. Số dự phòng chưa hạch toán đủ tại thời điểm ngày 30 tháng 11 năm 2007 là 18.062 triệu đồng là của dự phòng chung. Tuy nhiên, Điều 9 của Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN cho phép Ngân hàng trích lập đủ dự phòng chung trong thời gian 5 năm kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực (từ tháng 5 năm 2005).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

9. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

Chỉ tiêu	ĐVT: Triệu đồng	
	Năm 2007	Năm 2006
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	1.098.734	104.825
- Chứng khoán Nợ	650.000	-
Chứng khoán Chính phủ	650.000	-
- Chứng khoán Vốn	448.734	104.825
Chứng khoán Vốn do các TCTD khác trong nước phát hành	7.500	-
Chứng khoán Vốn do các TCKT trong nước phát hành	441.234	104.825
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	2.560.597	238.611
- Chứng khoán Chính phủ	782.968	50
- Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	820.442	143.431
- Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành	957.187	95.130
	<u>3.659.331</u>	<u>343.436</u>

9.1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn, mua cổ phần vào các tổ chức kinh tế khác của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT: Triệu đồng			
	Năm 2007		Năm 2006	
	Giá gốc	% sở hữu của Ngân hàng	Giá gốc	% sở hữu của Ngân hàng
<i>Đầu tư vào các TCTD</i>				
Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội	7.500	0,13	-	-
<i>Đầu tư vào các doanh nghiệp</i>				
Công ty Cổ phần G.E.L.E.X.I.M.C.O Số 1	150.000	10,00	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC	100.080	3,71	-	-
Công ty Cổ phần Mạng Thanh toán Vina-paynet	61.215	11,00	-	-
Công ty Cổ phần Giấy An Hòa	60.000	8,33	-	-
Công ty Chứng khoán An Bình	37.059	7,97	5.000	10,00
Công ty Cổ phần EVN-Campuchia	28.800	1,20	-	-
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ An Bình	2.080	6,67	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ thẻ Smartlink	2.000	5,00	-	-
Công ty Nhiệt điện Hải Phòng	-	-	99.825	1,65
	<u>441.234</u>		<u>104.825</u>	
	<u>448.734</u>		<u>104.825</u>	

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

9. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

9.2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chỉ tiêu	Năm 2007		Năm 2006	
	Mệnh giá	Giá trị	Mệnh giá	Giá trị
		hiện tại		hiện tại
<i>ĐVT: Triệu đồng</i>				
<i>Trái phiếu chính phủ</i>				
Trái phiếu Chính Phủ	642.800	640.148	50	50
Trái phiếu đô thị Tp. Hồ Chí Minh	142.728	142.815	142.728	142.926
Trái phiếu Xây dựng Thủ đô	5	5	5	5
<i>Trái phiếu do các TCTD và tổ chức kinh tế phát hành</i>				
Trái phiếu của Tập đoàn Tàu Thủy (VINASHIN)	520.000	513.445	95.130	95.130
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Kỹ Thương	300.000	300.000	-	-
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Á Châu	300.000	300.000	-	-
Trái phiếu Vinacomin	180.000	180.000	-	-
Trái phiếu Tổng Công ty Điện lực	163.000	162.046	-	-
Trái phiếu Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng bằng sông Cửu Long	120.000	119.942	-	-
Trái phiếu của Công ty TC Dầu Khí Việt Nam	100.500	100.500	500	500
Trái phiếu Vincom	50.000	50.000	-	-
Trái phiếu Tổng Công ty Thép	50.000	51.696	-	-
	<u>2.569.033</u>	<u>2.560.597</u>	<u>238.413</u>	<u>238.611</u>

Thông tin chi tiết về các trái phiếu này tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 như sau:

Chỉ tiêu	Giá trị hiện tại	Kỳ hạn (năm)	Lãi suất (%/năm)	Định kỳ trả lãi
Trái phiếu Chính Phủ	642.800	5 và 15	8,10 - 9,10	Hàng năm
Trái phiếu đô thị Tp. Hồ Chí Minh	142.728	5 và 15	8,52 - 9,55	Hàng năm
Trái phiếu Xây dựng Thủ đô	5	5	8,80	Hàng năm
Trái phiếu của Tập đoàn Tàu Thủy	513.445	10	9,00 - 9,40	Hàng năm
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Kỹ Thương	300.000	5	8,60	Hàng năm
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Á Châu	300.000	5	8,60	Hàng năm
Trái phiếu Vinacomin	180.000	10	9,50	Hàng năm
Trái phiếu Tổng Công ty Điện lực	162.046	10	9,70 - 9,95	Hàng năm
Trái phiếu Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng bằng sông Cửu Long	119.942	2	9,00	Hàng năm
Trái phiếu của Công ty TC Dầu Khí VN	100.500	5	8,60 - 9,00	Hàng năm
Trái phiếu Vincom	50.000	5	10,30	Hàng năm
Trái phiếu Tổng Công ty Thép	51.696	5	9,50	Hàng năm

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

10.1 Tài sản cố định hữu hình

Biến động của tài sản cố định (“TSCĐ”) hữu hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 như sau:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>ĐVT: Triệu đồng</i>	
				<i>TSCĐ khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	1.627	1.214	4.375	411	7.627
Mua trong kỳ	4.454	34.211	21.338	1.611	61.614
Đầu tư XDCB hoàn thành	116	-	-	-	116
Thanh lý, nhượng bán	(32)	-	(100)	-	(132)
Phân loại lại	53	234	(180)	(107)	-
Số dư cuối kỳ	<u>6.218</u>	<u>35.659</u>	<u>25.433</u>	<u>1.915</u>	<u>69.225</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	203	360	332	68	963
Khấu hao trong kỳ	774	3.478	1.843	270	6.365
Thanh lý, nhượng bán	(5)	-	(82)	-	(87)
Phân loại lại	47	(176)	119	10	-
Số dư cuối kỳ	<u>1.019</u>	<u>3.662</u>	<u>2.212</u>	<u>348</u>	<u>7.241</u>
Giá trị còn lại của TSCĐ					
Tại ngày đầu kỳ	<u>1.424</u>	<u>854</u>	<u>4.043</u>	<u>343</u>	<u>6.664</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u>5.199</u>	<u>31.997</u>	<u>23.221</u>	<u>1.567</u>	<u>61.984</u>

10.2 Tài sản cố định vô hình

	<i>ĐVT: Triệu đồng</i>			
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Tăng trong năm	12.053	6.603	516	19.172
Chi phí trong năm	<u>139</u>	<u>813</u>	<u>331</u>	<u>1.283</u>
Giá trị còn lại	<u>11.914</u>	<u>5.790</u>	<u>185</u>	<u>17.889</u>

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ KHÁC

Chỉ tiêu	ĐVT: Triệu đồng	
	Năm 2007	Năm 2006 (trình bày lại)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	6.123	516
Các khoản phải thu (Thuyết minh 11.1)	<u>129.355</u>	<u>23.615</u>
	135.478	24.131
Lãi và phí phải thu (Thuyết minh 11.2)	286.985	20.318
Tài sản có khác (Thuyết minh 11.3)	<u>18.023</u>	<u>2.244</u>
	<u>440.486</u>	<u>46.693</u>

11.1. Các khoản phải thu

Chỉ tiêu	ĐVT: Triệu đồng	
	Năm 2007	Năm 2006 (trình bày lại)
Đặt cọc, ký quỹ, thế chấp, cầm cố	98.655	11.753
Tạm ứng hoạt động nghiệp vụ	19.687	5.638
Thuế GTGT đầu vào	-	53
Các khoản phải thu khác	<u>11.013</u>	<u>6.171</u>
	<u>129.355</u>	<u>23.615</u>

Đặt cọc, ký quỹ, thế chấp, cầm cố tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 bao gồm một khoản tiền đặt cọc là 84.000 triệu đồng để mua đất trị giá 363.518 triệu đồng theo Hợp đồng số 01/HĐ.DTBĐS.2007 ký kết ngày 21 tháng 12 năm 2007. Theo điều khoản của Hợp đồng, toàn bộ số tiền đặt cọc sẽ được hoàn trả lại cho Ngân hàng nếu người bán không thể hoàn tất việc chuyển nhượng quyền sở hữu cho Ngân hàng. Trong tháng 2 năm 2008, Ngân hàng đã nhận lại phần lớn của số tiền đặt cọc là 76.000 triệu đồng do chưa thể hoàn tất thủ tục chuyển nhượng trong thời hạn theo qui định của Hợp đồng.

11.2. Lãi và phí phải thu

Chỉ tiêu	ĐVT: Triệu đồng	
	Năm 2007	Năm 2006 (trình bày lại)
Dự thu lãi các chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	133.834	5.354
Dự thu lãi tiền gửi tại các TCTD	116.271	10.572
Dự thu lãi cho vay khách hàng	36.824	4.392
Phí phải thu	<u>56</u>	<u>-</u>
	<u>286.985</u>	<u>20.318</u>

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ KHÁC (tiếp theo)

11.3. Tài sản có khác

Chỉ tiêu	ĐVT: Triệu đồng	
	Năm 2007	Năm 2006 (trình bày lại)
Chi phí trả trước và chờ phân bổ	17.363	2.060
Vật liệu	269	175
Tài sản có khác	391	9
	<u>18.023</u>	<u>2.244</u>

12. CÁC KHOẢN NỢ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Chỉ tiêu	ĐVT: Triệu đồng	
	Năm 2007	Năm 2006
Vay chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá	<u>217.172</u>	<u>22.966</u>

Các khoản vay tại NHNN là các khoản vay ngắn hạn dưới dạng chiết khấu các chứng từ có giá. Những khoản vay này có kỳ hạn dưới 365 ngày và chịu lãi suất từ 4,50% đến 8,00%/năm. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2007, trái phiếu Chính phủ với tổng mệnh giá 231.404 triệu đồng đã được cầm cố tại NHNN cho các khoản vay này.

13. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC

Chỉ tiêu	ĐVT: Triệu đồng	
	Năm 2007	Năm 2006
Tiền gửi không kỳ hạn của các TCTD khác	6	-
Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay của các TCTD khác	6.773.726	297.686
Vay chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá	<u>495.255</u>	<u>-</u>
	<u>7.268.987</u>	<u>297.686</u>

Chi tiết tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác như sau:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

13. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC (tiếp theo)

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>ĐVT: Triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2007</i>	<i>Năm 2006</i>
<i>Tiền gửi CKH và CV của các TCTD có kỳ hạn dưới ba tháng</i>		
Tiền gửi CKH của các TCTD trong nước bằng VNĐ	1.770.000	242.967
Tiền gửi CKH của các TCTD trong nước bằng ngoại tệ	<u>188.050</u>	<u>24.719</u>
	1.958.050	267.686
<i>Tiền gửi CKH và CV của các TCTD có kỳ hạn trên ba tháng</i>		
Tiền gửi CKH của các TCTD trong nước bằng VNĐ	4.685.000	30.000
Tiền gửi CKH của các TCTD trong nước bằng ngoại tệ	<u>130.676</u>	<u>-</u>
	<u>4.815.676</u>	<u>30.000</u>
	<u>6.773.726</u>	<u>297.686</u>

Mức lãi suất tiền gửi trung bình của các TCTD vào ngày 31 tháng 12 như sau:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm 2007</i>	<i>Năm 2006</i>
	<i>lãi suất (%/năm)</i>	<i>lãi suất (%/năm)</i>
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD trong nước bằng VNĐ	8,31%	7,80%
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD trong nước bằng NT	5,14%	5,40%
Vay các TCTD trong nước bằng VNĐ	7,00%	-

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

14. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

14.1. Thuyết minh theo loại hình tiền gửi

Chỉ tiêu	ĐVT: Triệu đồng	
	Năm 2007	Năm 2006 (trình bày lại)
<i>Tiền gửi không kỳ hạn</i>		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	2.375.356	662.356
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VNĐ	13.342	12.062
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	92.343	2.228
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng ngoại tệ	2.043	1.634
<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	3.134.556	682.312
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VNĐ	913.167	156.292
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng ngoại tệ	190.738	28.005
<i>Tiền ký quỹ</i>		
Tiền gửi ký quỹ bằng VNĐ	30.809	2.832
Tiền gửi ký quỹ bằng ngoại tệ	23.925	-
<i>Tiền gửi chuyên dùng</i>		
Tiền gửi chuyên dùng bằng ĐVN	-	646
Tiền gửi chuyên dùng bằng ngoại tệ	-	2.792
	<u>6.776.279</u>	<u>1.551.159</u>

Mức lãi suất tiền gửi trung bình của khách hàng vào ngày 31 tháng 12 như sau:

	Năm 2007 lãi suất %/năm	Năm 2006 lãi suất %/năm
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	2,40%	3,60%
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	1,50%	1,20%
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VNĐ	3,00%	3,60%
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng ngoại tệ	1,50%	1,50%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	8,40%	8,28%
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng ngoại tệ	5,23%	5,10%

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

14. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

14.2. Thuyết minh theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp

Chỉ tiêu	ĐVT: Triệu đồng	
	Năm 2007	Năm 2006
Tiền gửi của TCKT		
<i>Doanh nghiệp quốc doanh</i>	3.466.260	816.548
<i>DN ngoài quốc doanh và các đối tượng khác</i>	1.673.578	277.539
<i>Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài</i>	236.743	204.658
	<u>5.376.581</u>	<u>1.298.745</u>
Tiền gửi của cá nhân	1.384.605	252.299
Tiền gửi của các đối tượng khác	15.093	115
	<u>6.776.279</u>	<u>1.551.159</u>

15. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TCTD CHỊU RỦI RO

Chỉ tiêu	ĐVT: Triệu đồng	
	Năm 2007	Năm 2006 (trình bày lại)
Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư từ các TC trong nước bằng VNĐ	-	4.625
Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư từ các TC nước ngoài bằng VNĐ	11.164	11.566
	<u>11.164</u>	<u>16.191</u>

Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư từ các TC nước ngoài bằng VNĐ là các khoản vốn nhận tài trợ, ủy thác từ Ngân hàng Phát triển Châu Á thông qua Ngân hàng Nhà nước để tài trợ cho Dự án Tài chính Nông thôn – Giai đoạn II. Các khoản vay này có thời hạn là 12, 24, 36 và 48 tháng và chịu lãi suất là 8,28%/năm (2006: 8,28%/năm).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

16. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ THÔNG THƯỜNG

Chỉ tiêu	ĐVT: Triệu đồng	
	Năm 2007	Năm 2006
Chứng chỉ tiền gửi (a)	198.484	-
Kỳ phiếu (b)	6.465	-
	<u>204.949</u>	<u>-</u>

(a) Chứng chỉ tiền gửi bằng ngoại tệ có kỳ hạn từ 3 tháng tới 11 tháng và có lãi suất dao động từ 5,10% tới 5,60%/năm (2006: không phát sinh).

(b) Đây là các kỳ phiếu bằng USD có kỳ hạn từ 6 đến 11 tháng và chịu lãi suất dao động từ 5,00% đến 5,20%/năm.

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CÔNG NỢ KHÁC

Chỉ tiêu	ĐVT: triệu đồng	
	Năm 2007	Năm 2006 (trình bày lại)
Lãi và phí dự trả (Thuyết minh số 17.1)	123.127	9.498
Các khoản phải trả và công nợ khác (Thuyết minh số 17.2)	91.782	26.124
Dự phòng rủi ro cho các cam kết ngoại bảng (Thuyết minh số 8)	1.091	-
	<u>216.000</u>	<u>35.622</u>

17.1 Lãi và phí dự trả

Chỉ tiêu	ĐVT: triệu đồng	
	Năm 2007	Năm 2006 (trình bày lại)
Lãi phải trả tiền gửi bằng VND	77.310	6.788
Lãi phải trả tiền gửi bằng NT	1.031	13
Lãi phải trả tiền gửi tiết kiệm bằng VND	27.552	1.696
Lãi phải trả tiền gửi tiết kiệm bằng NT	2.312	279
Lãi phải trả cho tiền vay bằng VND	12.957	703
Lãi phải trả các chứng từ có giá bằng NT	1.851	-
Lãi phải trả cho vốn tài trợ, ủy thác bằng VND	21	19
Lãi phải trả cho giao dịch kỳ hạn	93	-
	<u>123.127</u>	<u>9.498</u>

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CÔNG NỢ KHÁC (tiếp theo)

17.2 Các khoản phải trả và công nợ khác

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm 2007</i>	<i>ĐVT: Triệu đồng</i>	
		<i>Năm 2006</i>	<i>(trình bày lại)</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	51.752	19.253	
Doanh thu chờ phân bổ	24.560	-	
Phải trả nhân viên	1.404	202	
Thuế GTGT phải nộp	305	4.995	
Trợ cấp thôi việc	554	182	
Các khoản phải trả khác	13.207	1.492	
	<u>91.782</u>	<u>26.124</u>	

18. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2007</i>	<i>Phát sinh trong kỳ</i>		<i>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2007</i>
		<i>Số phải nộp</i>	<i>Số đã nộp</i>	
		<i>ĐVT: triệu đồng</i>		
Thuế GTGT	4.995	3.360	8.050	305
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.253	69.017	36.518	51.752
Các loại thuế khác	-	427	427	-
Các khoản phải nộp khác và các khoản phí, lệ phí	-	2	2	-
	<u>24.248</u>	<u>72.806</u>	<u>44.997</u>	<u>52.057</u>

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Ngân hàng có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 28% trên tổng lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

18. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

18.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của Ngân hàng và các quy định thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Ngân hàng được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm được tính như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT: triệu đồng	
	Năm 2007	Năm 2006
Lợi nhuận trước thuế	230.766	80.760
<i>Cộng:</i>		
Các khoản thuế bị truy thu và tiền phạt về vi phạm hành chính đã tính vào chi phí	510	-
Chi phí không liên quan đến doanh thu, thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	1.458	-
Thù lao của Hội đồng Quản trị	1.630	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	1.235	-
Thu nhập chịu thuế TNDN ước tính	235.599	80.760
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất 28%	65.968	22.613
Thuế phải nộp thêm theo quyết toán thuế	3.049	-
Chi phí thuế TNDN trong tài chính	69.017	22.613

18.2. Thuế thu nhập hoãn lại

Không có khoản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận trong các báo cáo tài chính bởi vì không có các khoản chênh lệch tạm thời nào giữa giá trị ghi sổ và giá trị cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ trên các báo cáo tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2007.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

19. VỐN VÀ QUỸ DỰ TRỮ

19.1. Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

ĐVT: triệu đồng

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Vốn điều lệ</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<i>Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ</i>	<i>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số dư đầu kỳ	1.131.951	-	-	2.703	6.912	2.954	3.958	41.796	1.190.274
<i>Tăng trong kỳ</i>									
Tăng vốn trong kỳ	1.168.049	115.282	-	-	-	-	-	(20.592)	1.262.739
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	161.749	161.749
Tạm trích lập các quỹ dự trữ cho kỳ hiện tại	-	-	-	-	15.366	8.087	-	(23.453)	-
<i>Giảm trong kỳ</i>									
Sử dụng trong kỳ	-	-	-	(793)	-	-	-	-	(793)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(115.281)	-	-	-	-	-	(115.281)
Chia cổ tức kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	(19.488)	(19.488)
Số dư cuối kỳ	<u>2.300.000</u>	<u>115.282</u>	<u>(115.281)</u>	<u>1.910</u>	<u>22.278</u>	<u>11.041</u>	<u>3.958</u>	<u>140.012</u>	<u>2.479.200</u>

Ngân hàng đã trích lập quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế của năm 2007 theo qui định. Việc trích lập các quỹ khác sẽ được thực hiện sau khi có sự thông qua của các cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

19. VỐN VÀ QUỸ DỰ TRỮ (tiếp theo)

19.1. Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Trong năm 2007, vốn điều lệ của Ngân hàng đã được tăng lên, chi tiết như sau:

	<i>Quyết định số</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>Hình thức góp vốn</i>
Tăng vốn điều lệ	863/NHNN-HCM02	<u>1.168.049</u>	Cổ tức năm 2006 và phát hành cổ phiếu cho cổ đông trong nước

Chi tiết phân vốn điều lệ của Ngân hàng như sau:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>ĐVT: triệu đồng</i>					
	<i>2007</i>			<i>2006</i>		
	<i>Tổng số</i>	<i>Vốn CP thường</i>	<i>Vốn CP ưu đãi</i>	<i>Tổng số</i>	<i>Vốn CP thường</i>	<i>Vốn CP ưu đãi</i>
Vốn điều lệ	2.300.000	2.300.000	-	1.131.951	1.131.951	-
Thặng dư vốn cổ phần	115.282	115.282	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	(115.281)	(115.281)	-	-	-	-
	<u>2.300.001</u>	<u>2.300.001</u>	<u>-</u>	<u>1.131.951</u>	<u>1.131.951</u>	<u>-</u>

Chi tiết thành phần cổ đông của Ngân hàng như sau:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>ĐVT: triệu đồng</i>					
	<i>2007</i>			<i>2006</i>		
	<i>Số cổ phần</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Số cổ phần</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	69.687.884	696.879	30,30%	32.601.230	326.012	28,80%
Công ty Cổ phần XNK Tổng hợp Hà Nội	26.883.900	268.839	11,69%	8.265.760	82.658	7,30%
Các cổ đông khác	133.428.216	1.334.282	58,01%	72.328.060	723.281	63,90%
				113.195.05		
	<u>230.000.000</u>	<u>2.300.000</u>	<u>100%</u>	<u>0</u>	<u>1.131.951</u>	<u>100%</u>

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

19. VỐN VÀ QUỸ DỰ TRỮ (tiếp theo)

19.1. Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Chi tiết cổ phiếu của Ngân hàng như sau:

	2007		2006
	Số cổ phiếu (chiếc)	Giá trị triệu đồng	Số cổ phiếu (chiếc)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	230.000.000	2.300.000	9.669.505
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	230.000.000	2.415.282	9.669.505
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>230.000.000</i>	<i>2.415.282</i>	<i>9.669.505</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	2.421.473	115.281	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2.421.473</i>	<i>115.281</i>	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	227.578.527	2.300.001	11.319.505
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>227.578.527</i>	<i>2.300.001</i>	<i>11.319.505</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng)	10.000		100.000

Theo Quyết định số 2168/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước ngày 18 tháng 9 năm 2007, Ngân hàng đã thực hiện điều chỉnh giảm mệnh giá của cổ phiếu từ 100.000 đồng xuống còn 10.000 đồng.

Trong năm 2007, Ngân hàng đã sử dụng toàn bộ nguồn thặng dư vốn cổ phần để mua lại 2.421.473 số lượng cổ phiếu đã phát hành để làm cổ phiếu quỹ từ Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình với giá mua là 47.608 đồng/cổ phiếu theo Nghị quyết số 260/QĐ-HQĐQT.07 của Hội đồng Quản trị ngày 14 tháng 12 năm 2007 và theo Hợp đồng mua bán số 01/HĐ.CPQ.07 ngày 27 tháng 12 năm 2007.

Ngân hàng cũng đã tăng vốn điều lệ từ 1.131.951 triệu đồng lên 2.300.000 triệu đồng trong tháng 11 năm 2007 sau khi nhận được chấp thuận của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

19. VỐN VÀ QUỸ DỰ TRỮ (tiếp theo)

19.2 Các quỹ dự trữ của Ngân hàng

Trong năm 2005, Chính phủ ban hành Nghị định số 146/2005/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2005 về chế độ tài chính đối với các tổ chức tín dụng. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 16 tháng 12 năm 2005. Theo Nghị định 146, các ngân hàng thương mại cổ phần phải trích lập quỹ dự trữ theo tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế như sau:

	<i>Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức tối đa</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	Vốn điều lệ

Các quỹ sau đây được tính theo phần trăm lợi nhuận sau thuế sau khi đã trừ đi phần trích lập quỹ bổ sung vốn điều lệ (lợi nhuận sau thuế còn lại)

	<i>Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế còn lại</i>	<i>Mức tối đa</i>
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế còn lại	25% vốn điều lệ
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Theo quyết định của Hội đồng Quản trị	Không quy định
Các quỹ khác	Theo quyết định của Hội đồng Quản trị	Không quy định

Việc sử dụng các quỹ dự trữ này tuân theo Nghị định 146.

20. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>DVT: triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2007</i>	<i>Năm 2006</i> <i>(trình bày lại)</i>
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	689.488	99.300
Thu nhập lãi tiền gửi	283.022	40.456
Thu lãi từ chứng khoán đầu tư	127.799	10.515
Thu khác từ hoạt động tín dụng	1.831	-
	<u>1.102.140</u>	<u>150.271</u>

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC KHOẢN CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2007</i>	<i>Năm 2006 (trình bày lại)</i>
Trả lãi tiền gửi	757.879	71.169
Trả lãi tiền vay	16.728	1.905
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	2.787	-
Chi phí hoạt động tín dụng khác	383	1.595
	<u>777.777</u>	<u>74.669</u>

22. LÃI THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2007</i>	<i>Năm 2006 (trình bày lại)</i>
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		
Thu từ dịch vụ thanh toán	4.827	295
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	3.890	879
Các khoản thu nhập khác	6.557	8.584
	<u>15.274</u>	<u>9.758</u>
Chi phí hoạt động dịch vụ	(9.687)	(4.644)
	<u>5.587</u>	<u>5.114</u>

23. LÃI THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2007</i>	<i>Năm 2006</i>
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối		
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	26.604	2.039
Thu từ kinh doanh vàng	11	-
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	90	-
	<u>26.705</u>	<u>2.039</u>
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối		
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(23.787)	(1.794)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(403)	-
	<u>(24.190)</u>	<u>(1.794)</u>
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	<u>2.515</u>	<u>245</u>

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

24. LỖ THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (MUA BÁN) CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

Chỉ tiêu	ĐVT: triệu đồng	
	Năm 2007	Năm 2006
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	<u>(12.936)</u>	<u>-</u>

25. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (MUA BÁN) CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

Chỉ tiêu	ĐVT: triệu đồng	
	Năm 2007	Năm 2006
Thu nhập từ bán chứng khoán đầu tư	<u>102.043</u>	<u>212</u>

Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán đầu tư bao gồm các giao dịch trọng yếu sau:

- Ngân hàng đã thực hiện bán 1.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình cho Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội. Ngân hàng thu lãi ròng từ giao dịch này là 69.909 triệu đồng.
- Ngân hàng bán toàn bộ 625.000 cổ phần nắm giữ tại Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Việt cho Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình và Ngân hàng thu được lãi ròng từ giao dịch này là 31.750 triệu đồng.

26. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	ĐVT: triệu đồng	
	Năm 2007	Năm 2006 (trình bày lại)
Chi phí quản lý chung	44.537	8.046
Chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, tiếp tân, khánh tiết	14.311	2.744
Chi phí công cụ lao động và dụng cụ	11.112	2.185
Chi phí vật liệu giấy tờ in	5.623	806
Chi công tác phí	3.191	814
Chi phí sửa chữa và nâng cấp tài sản	2.961	43
Chi phí thông tin liên lạc	2.697	407
Chi phí đào tạo	1.437	223
Chi phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	1.022	129
Chi phí thuế khác và phí	936	43
Chi phí bảo hiểm tài sản của Ngân hàng	415	20
Chi phí thuê văn phòng	451	177
	<u>88.693</u>	<u>15.637</u>

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

27. THU NHẬP CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2007</i>	<i>Năm 2006</i>
Lợi nhuận sau thuế	161.749	58.147
Số lượng cổ phiếu bình quân trong năm	132.709.243	5.988.363
Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đồng), (mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 đồng)	1.219	971

Lợi nhuận sau thuế dùng để tính thu nhập cơ bản trên cổ phiếu chưa loại trừ số tiền để trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và các quỹ khác sẽ được trích lập trong năm theo chính sách của Ngân hàng.

28. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ bao gồm các khoản trên bảng cân đối kế toán sau đây:

	<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2007</i>	<i>Năm 2006</i>
Tiền và tương đương tiền tại quỹ	149.751	33.195
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	365.006	31.323
Tiền gửi thanh toán tại các TCTD	202.467	84.324
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác thời hạn dưới 90 ngày	1.701.114	709.138
Tín phiếu Ngân hàng Nhà nước	650.000	-
	<u>3.068.338</u>	<u>857.980</u>

29. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

	<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
	<i>Thực tế phát sinh năm 2007</i>	<i>Thực tế phát sinh năm 2006</i>
<i>I. TỔNG SỐ CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN (người)</i>	1.123	309
<i>II. THU NHẬP CỦA CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN (triệu đồng)</i>		
1. Tổng quỹ lương đã chi	35.598	10.115
2. Tiền thưởng	3.078	1.665
3. Tổng thu nhập (1+2)	38.676	11.780
4. Tiền lương bình quân tháng	2.64	2.73
5. Thu nhập bình quân tháng	2.87	3.18

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

30. LOẠI HÌNH VÀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN THẾ CHẤP CỦA KHÁCH HÀNG

Chỉ tiêu	ĐVT: triệu đồng	
	Giá trị sổ sách	
	2007	2006
Bất động sản	9.544.507	1.232.215
Động sản	88.330	75.836
Chứng từ có giá	294.611	41.673
Tài sản khác	224.686	552
	<u>10.152.134</u>	<u>1.350.276</u>

31. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoài bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Ngân hàng cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Ngân hàng cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường người mua/nhà nhập khẩu hàng hoá và bên thụ hưởng là người bán/nhà xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hoá nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Ngân hàng ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Ngân hàng phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Ngân hàng trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

Ngân hàng thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do Ngân hàng đánh giá.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

31. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA (tiếp theo)

Chi tiết các khoản công nợ tiềm ẩn và cam kết vào ngày 31 tháng 12 như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT: triệu đồng	
	Năm 2007	Năm 2006
Bảo lãnh thanh toán	71.004	85.231
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	100.057	82.183
Bảo lãnh dự thầu	25.299	21.231
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	282.928	286.090
Bảo lãnh khác	41.082	26.878
Cam kết khác	60.390	10.215
	<hr/>	<hr/>
	580.760	511.828
Trừ ký quỹ bảo lãnh	(54.734)	(2.832)
	<hr/>	<hr/>
Công nợ tiềm ẩn	<u>526.026</u>	<u>508.996</u>

32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với Ngân hàng. Một bên được coi là bên có liên quan với Ngân hàng nếu:

- trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
 - kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Ngân hàng (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
 - có vốn góp vào Ngân hàng và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng;
 - có quyền đồng kiểm soát Ngân hàng;
- Bên liên quan là công ty liên doanh mà Ngân hàng là một bên liên doanh;
- Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Ban Quản lý của Ngân hàng hoặc công ty mẹ của nó;
- Bên liên quan là thành viên trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c);
- Bên liên quan là một Ngân hàng trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Chi tiết giao dịch lớn với các bên liên quan trong năm 2007 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Các giao dịch</i>	<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
			<i>Số tiền</i>	
Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (“EVN”)	Cổ đông chính	Góp vốn mua cổ phần của Ngân hàng		405.000
		Tiền gửi thanh toán	24.857.714	
		Tiền gửi có kỳ hạn	3.512.368	
Công ty CP XNK Tổng hợp Hà Nội (“Geleximco”)	Cổ đông chính	Góp vốn mua cổ phần của Ngân hàng		223.288
		Bán cổ phần của ABS cho Geleximco	84.000	
		Thu nhập bán cổ phần ABS	69.909	
		Tiền gửi thanh toán	1.499.757	
Công ty Cổ phần G.E.L.E.X.I.M.C.O Số 1 (“Geleximco Số 1”)	Đơn vị được góp vốn	Góp vốn mua cổ phần của Geleximco		150.000
		Số 1		
Công ty CP Chứng khoán An Bình (“ABS”)	Đơn vị được góp vốn	Góp vốn mua cổ phần của ABS		46.150
		Mua cổ phiếu quỹ của Ngân hàng từ ABS	115.281	
		Bán cổ phần của Công ty CP Đầu tư và Công nghệ Bách Việt cho ABS	125.000	
		Thu nhập bán cổ phần Bách Việt	31.250	
		Tiền gửi thanh toán	822.721	
Tập đoàn Công nghệ CMC	Đơn vị được góp vốn	Góp vốn mua cổ phần của CMC		100.080
		Tiền gửi thanh toán	750.354	
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình (“ABF”)	Đơn vị được góp vốn	Góp vốn mua cổ phần của ABF		2.080
Ông Vũ Văn Tiền	Chủ Tịch HĐQT	Đặt cọc mua đất (Thuyết minh số 11.1)		84.000
		Tiền gửi	671.252	
Ông Đào Mạnh Kháng	Thành viên BKS	Tiền gửi		300.138
Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai	Phó Tổng Giám đốc	Tiền gửi		16.973
Ông Đào Văn Hưng	Phó Chủ Tịch HĐQT	Tiền gửi		5.911
Ông Dương Quang Thành	Thành viên HĐQT	Tiền gửi		301
Ông Võ Hồng Lĩnh	Thành viên BKS	Tiền gửi		268

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Chi tiết các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2007 như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Các giao dịch	ĐVT: triệu đồng	
			Phải thu	(Phải trả)
Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (“EVN”)	Cổ đông chính	Tiền gửi thanh toán Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 12 tháng và chịu lãi suất từ 6,60% đến 8,16%/năm	(973.273)	(2.450.300)
Công ty CP XNK Tổng hợp Hà Nội (“Geleximco”)	Cổ đông chính	Tiền gửi thanh toán	(156.496)	
Công ty TNHH Chứng khoán Thăng Long	Cổ đông chính	Tiền gửi thanh toán Tiền gửi có kỳ hạn là 15 ngày và lãi suất là 8,70%/năm	(151)	(60.000)
Công ty Chứng khoán An Bình (“ABS”)	Đơn vị được góp vốn	Tiền gửi thanh toán	(76.266)	
Tập đoàn Công nghệ CMC	Đơn vị được góp vốn	Tiền gửi thanh toán	(740)	
Vũ Văn Tiền	Chủ Tịch HĐQT	Đặt cọc mua đất (Thuyết minh số 11.1) Tiền gửi	84.000	(4.705)
Đào Văn Hưng	Phó Chủ Tịch HĐQT	Tiền gửi	(159)	
Dương Quang Thành	Thành viên HĐQT	Tiền gửi	(20)	
Đào Mạnh Khang	Thành viên BKS	Tiền gửi	(17)	
Võ Hồng Lĩnh	Thành viên BKS	Tiền gửi	(9)	

33. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	ĐVT: triệu đồng	
	Năm 2007	Năm 2006
Các cam kết thuê hoạt động không thể hủy ngang	<u>1.174.619</u>	<u>35.081</u>
Trong đó:		
đến hạn trong 1 năm	204.330	12.249
đến hạn từ 2 đến 5 năm	550.758	22.832
đến hạn sau 5 năm	419.531	-

34. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2007 cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính, ngoại trừ trong tháng 1 năm 2008 Ngân hàng đã góp vốn là 10.000 triệu đồng để sở hữu 10% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bất Động sản An Bình (“ABLand”) được thành lập ngày 7 tháng 12 năm 2007.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một vài khoản mục và số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm hiện hành theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước ban hành ngày 18 tháng 4 năm 2007.

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
		<i>Năm 2006 Sau khi phân loại lại</i>	<i>Năm 2006 Theo trình bày trước đây</i>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tiền gửi tại các TCTD khác		1.536.087	1.536.087
Tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng khác		-	84.324
Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng		-	1.451.763
Tiền gửi tại các TCTD khác	5	1.536.087	-
Tài sản cố khác	11	46.693	46.693
Các khoản phải thu	11.1	24.131	-
Các khoản lãi, phí phải thu	11.2	20.318	20.318
Tài sản cố khác	11.3	2.244	25.859
Xây dựng dở dang và tài sản cố định chưa sử dụng		-	516
Tiền gửi khách hàng và các khoản phải trả khách hàng		1.567.350	1.567.350
Tiền gửi khách hàng và các khoản phải trả khách hàng	14	1.551.159	1.567.350
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	15	16.191	-
Các khoản nợ khác		35.622	35.622
Các khoản lãi và phí phải trả	17.1	9.498	9.498
Các khoản phải trả và công nợ khác	17.2	26.124	6.871
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		-	19.253

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
		<i>Năm 2006 Sau khi phân loại lại</i>	<i>Năm 2006 Theo trình bày trước đây</i>

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương đương	20	150.271	139.756
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	21	(74.669)	(73.096)
Lãi thuần từ đầu tư chứng khoán		-	10.515
Thu nhập hoạt động khác		39.474	45.473
Chi phí hoạt động dịch vụ	22	(4.644)	(150)
Tổng chi phí hoạt động khác	26	(26.414)	(38.480)
Chênh lệch ròng		84.018	84.018

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

36. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ SO VỚI VNĐ VÀO THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM

	<i>DVT: đồng</i>	
	<i>Năm 2007</i>	<i>Năm 2006</i>
USD	16.114	16.051
EUR	23.411	21.016
GBP	31.784	-
CHF	14.117	-
JPY	141,61	-
SGD	10.987	-
CAD	16.228	-
AUD	13.981	-
HKD	2.035	-

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:

Ông Bùi Quốc Việt
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Công Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

Ông Lưu Đức Khánh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2008